MIRAE ASSET
Building on principles
Building on principles

Phụ lục XXIV: Mẫu báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng
Appendix XXIV: Report on change of Net Asset Value
(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Issued in association with Circular 98/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 of Minister of MOF)

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)
MIRAE ASSET (VIETNAM) FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness
Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2023
Hanoi, day 02 month 06 year 2023

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
To: - State Securities Commission of Vietnam
- Ho Chi Minh City Stock Exchange

1	**Tên Công ty quản lý quỹ:** Fund Management Company:	**Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)** Mirae Asset (Vietnam) Fund Management Company Limited
2	**Tên ngân hàng giám sát:** Supervising bank:	**Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam** Shinhan Bank Vietnam Limited
3	**Tên Quỹ:** Fund name:	**Quỹ ETF MAFM VN30** MAFM VN30 ETF
4	**Mã Quỹ:** Fund name:	**FUEMAV30** FUEMAV30
5	**Kỳ báo cáo** Reporting period:	**Từ ngày 26 tháng 05 năm 2023 đến ngày 01 tháng 06 năm 2023** From 26 May 2023 to 01 June 2023
6	**Ngày lập báo cáo:** Reporting Date:	**02/06/2023** 2-Jun-23

Đơn vị tính/ Unit: VND

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD 01/06/2023	KỲ TRƯỚC LAST PERIOD 25/05/2023
I	**Giá trị tài sản ròng** ***Net Asset Value***		
1	**Giá trị đầu kỳ** ***At the beginning of period***		
1.1	*của quỹ/ per Fund*	346,214,069,939	349,080,561,036
1.2	*của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate*	1,249,870,289	1,260,218,632
1.3	*của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate*	12,498.70	12,602.18
2	**Giá trị cuối kỳ** ***At the end of period***		
2.1	*của quỹ/ per Fund*	345,866,981,309	346,214,069,939
2.2	*của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate*	1,262,288,253	1,249,870,289
2.3	*của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate*	12,622.88	12,498.70
3	**Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó:** ***Change of NAV per Fund Certificate during perdiod, of which:***		
3.1	*Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ* *Changes of NAV due to fund s investment during the period*	3,442,655,292	(2,866,491,097)
3.2	*Thay đổi do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ* *Change of NAV due to subcription, redemption during the period*	(3,789,743,922)	-
3.3	*Thay đổi do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ* *Change of net asset value due to ditribute the profit to investors during the period*	-	-
4	**Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ so với kỳ trước** ***Change of NAV per fund unit in comparision with last period***	**124.18**	**(103.48)**
5	**Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất** ***Highest/Lowest NAV within latest 52 weeks***		
5.1	*Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)*	681,283,118,489	681,283,118,489
5.2	*Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)*	326,516,954,376	326,516,954,376
II	**Giá trị thị trường** (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) **của một chứng chỉ Quỹ** ***Market value of a Fund Certificate*** *(closing price of the last trading session of the reporting date)*		
1	**Giá trị đầu kỳ** ***Beginning perriod Value***	12,540	12,650
2	**Giá trị cuối kỳ** ***Ending period Value***	12,600	12,540
3	**Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước** **Change of market value in the period in comparision with the last period**	60	(110)
4	**Chênh lệch giữa giá thị trường của chứng chỉ Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ** ***Difference between Market Value per Fund Certificate and NAV per Fund Certificate***		
4.1	*Chênh lệch tuyệt đối (VND)/ Absolute difference (VND)*	-22.88	41.30
4.2	*Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))/ Relative difference (discount(-)/ premium(+))*	-0.18%	0.33%
5	**Giá trị thị tường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất** ***Highest/lowest Market Value within latest 52 weeks***		
5.1	*Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)*	15,800	15,800
5.2	*Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)*	10,720	10,720

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorised Representative of Supervisory Bank

Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
Shinhan Bank Vietnam Limited
Nguyễn Ngọc Quỳnh
Trưởng phòng nghiệp vụ Bộ phận Dịch vụ Quỹ, Phòng Dịch vụ Chứng khoán
Deputy Manager of Fund Services Team, Securities Services Department

Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company

Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
Mirae Asset (Vietnam) Fund Management Company Limited
Huh Hong Suk
Chủ tịch Công ty kiêm đại diện pháp luật
Chairman and Legal Representatives

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)
22608176 /VU THANH THUY / 2023-06-

Digitally signed by CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102811624, CN=CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM), S=Hà Nội, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2023.06.02 15:46:05+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.0.2